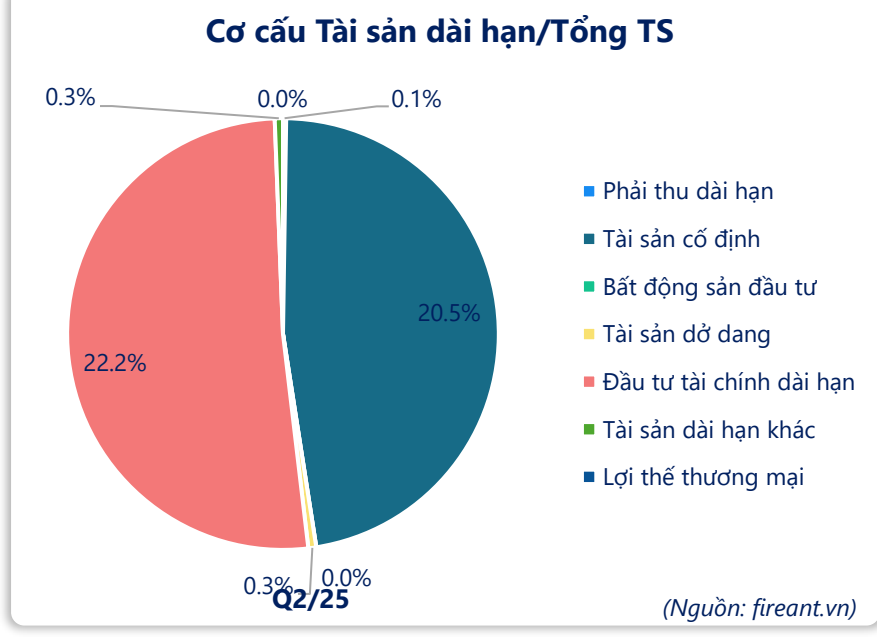
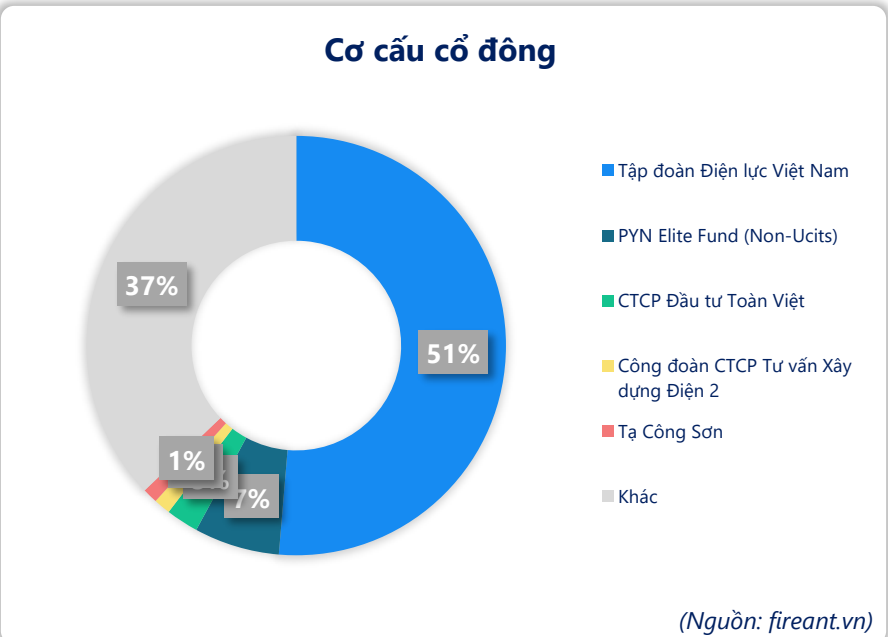
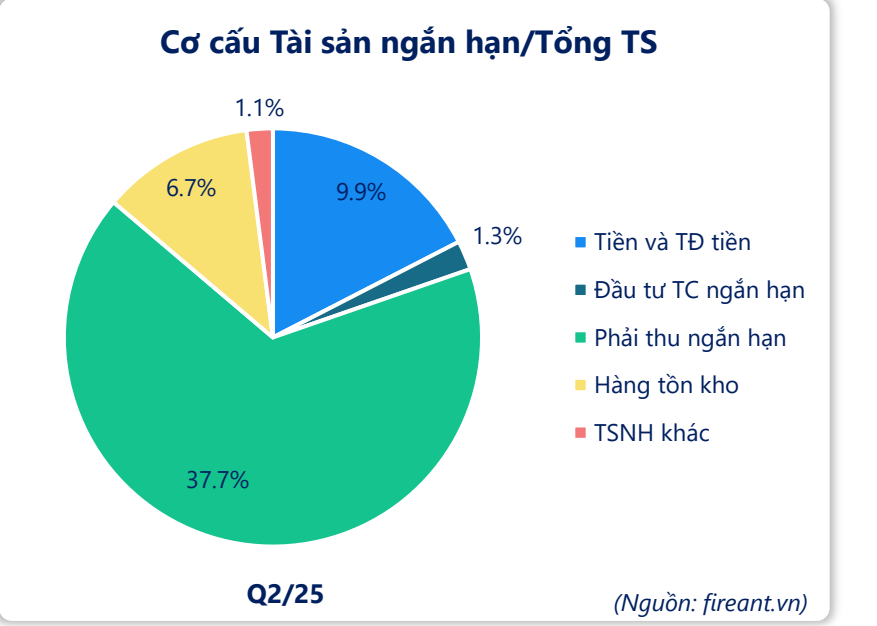
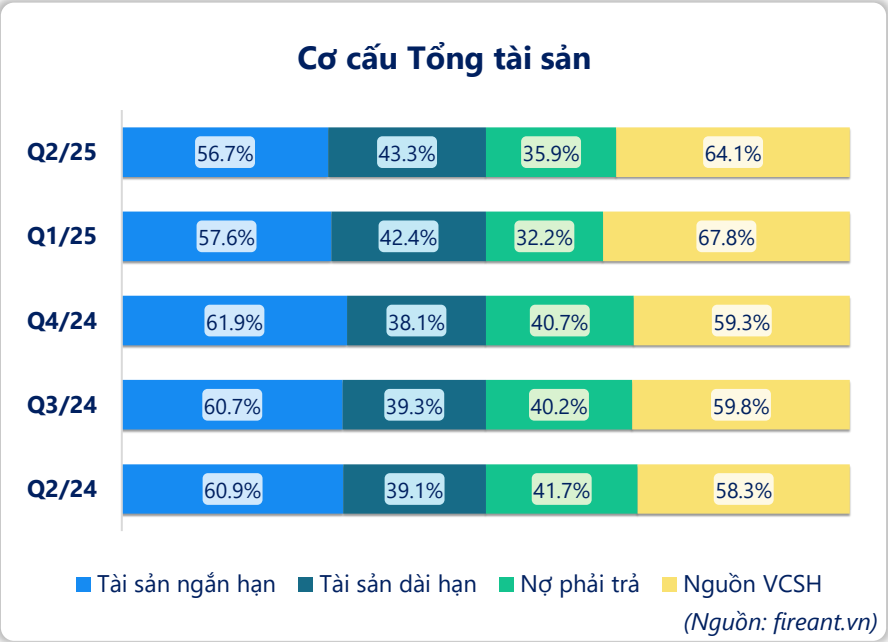
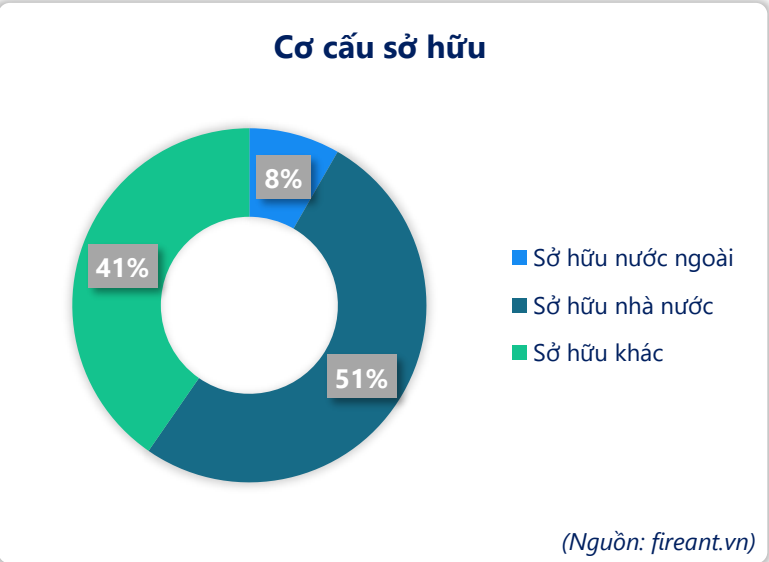
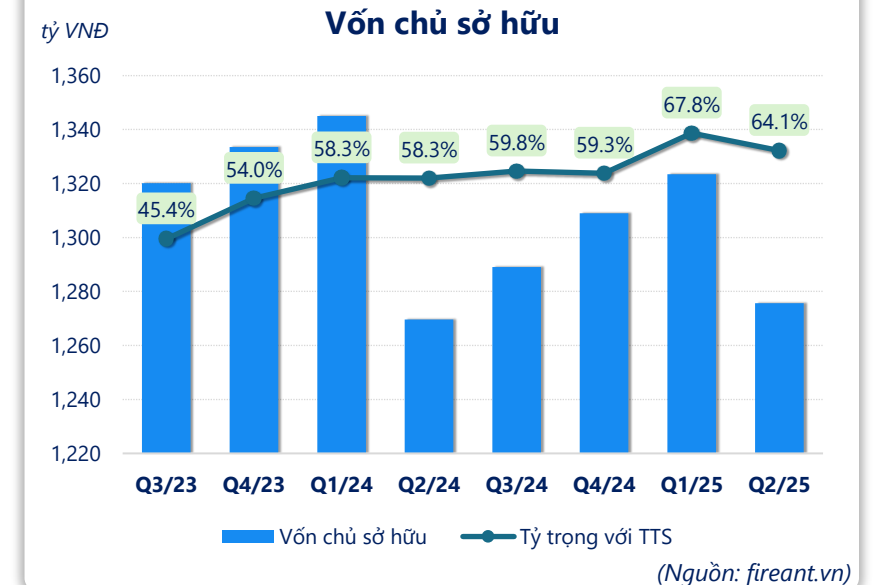
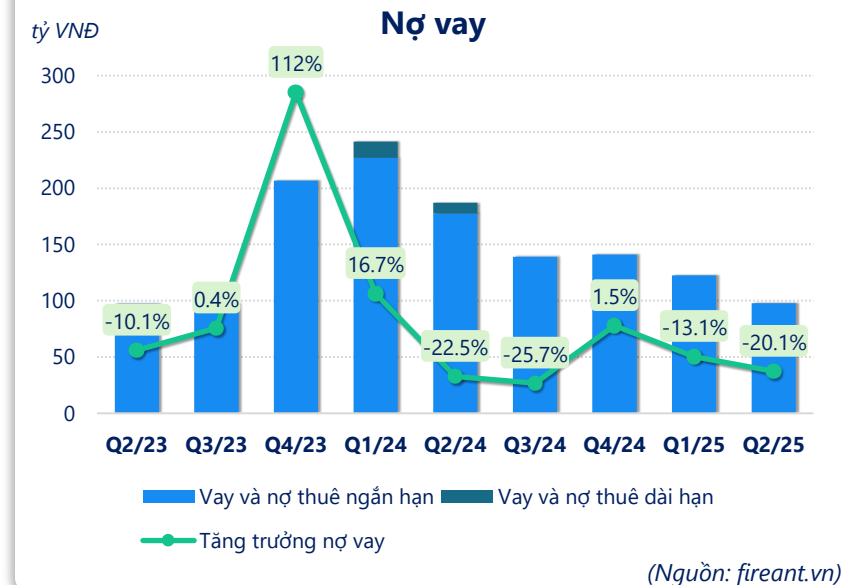
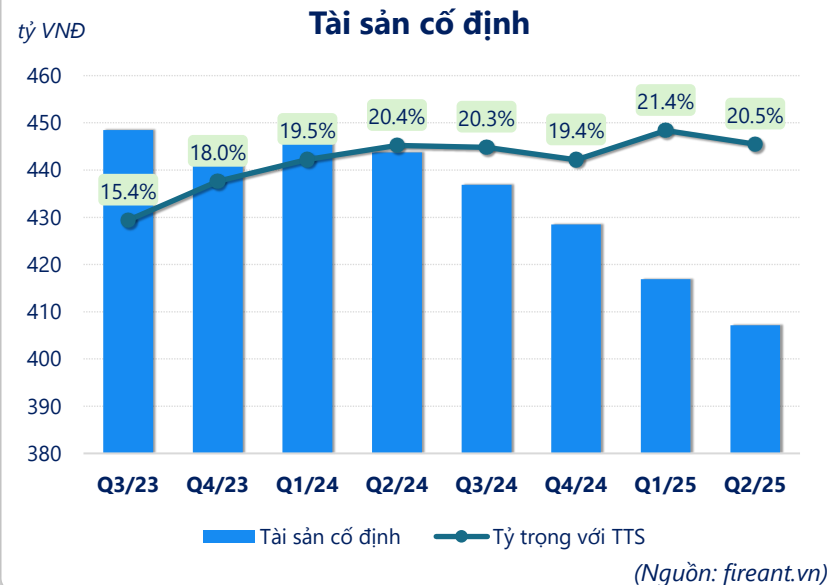
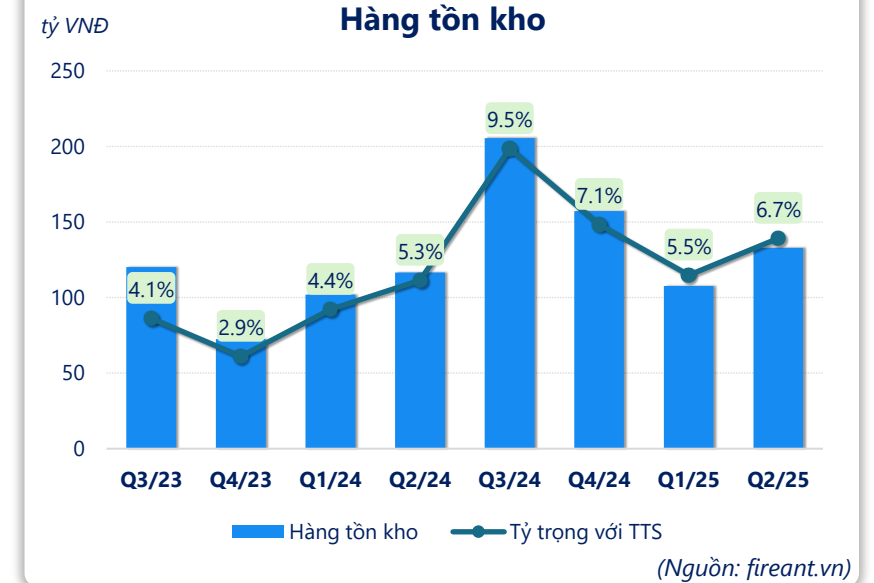
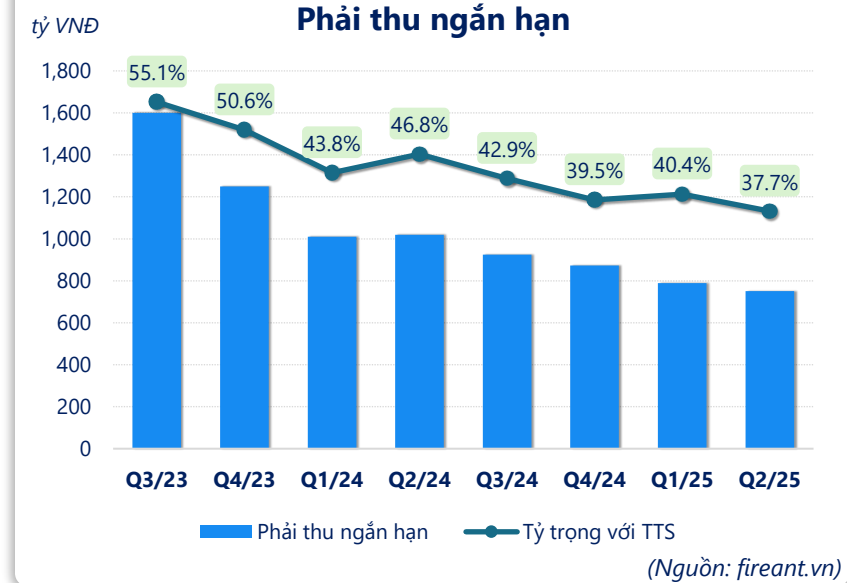
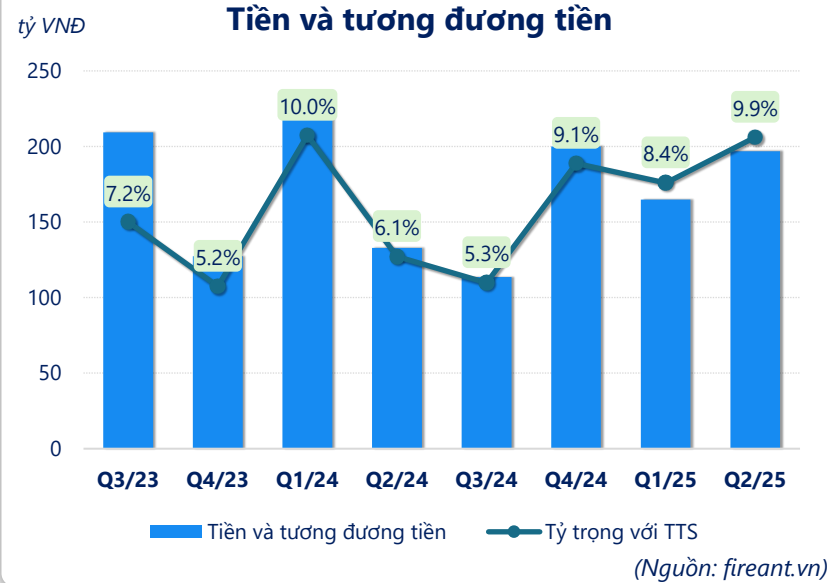
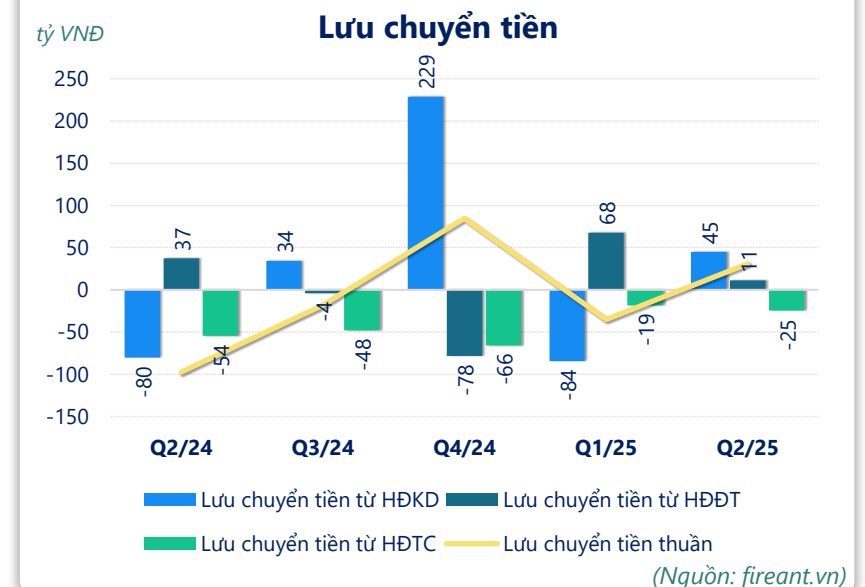
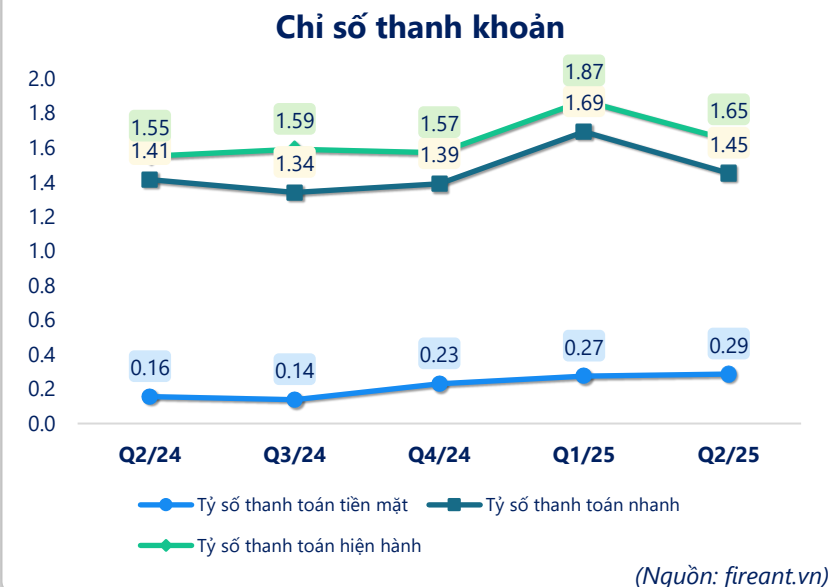
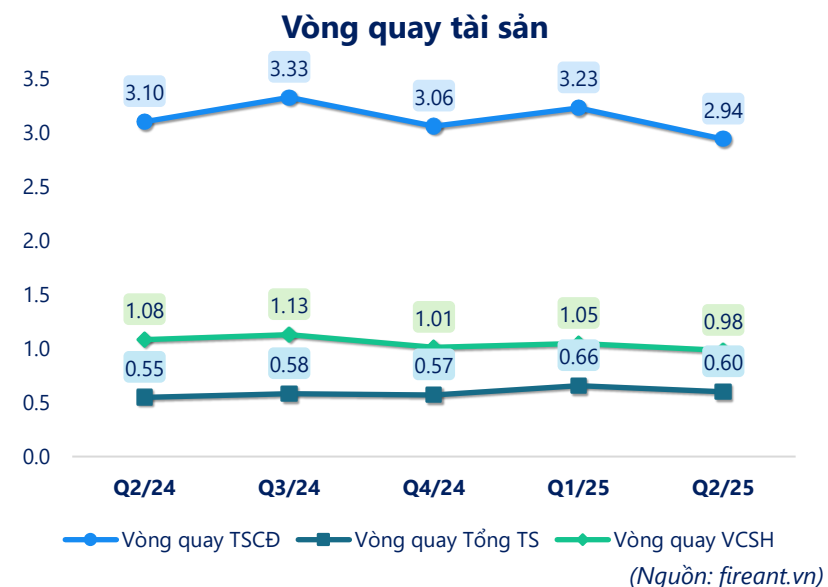
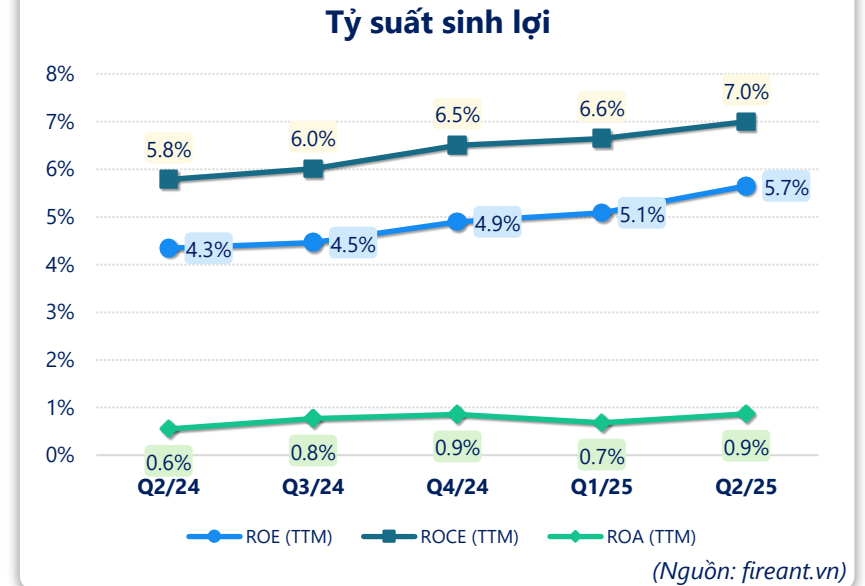
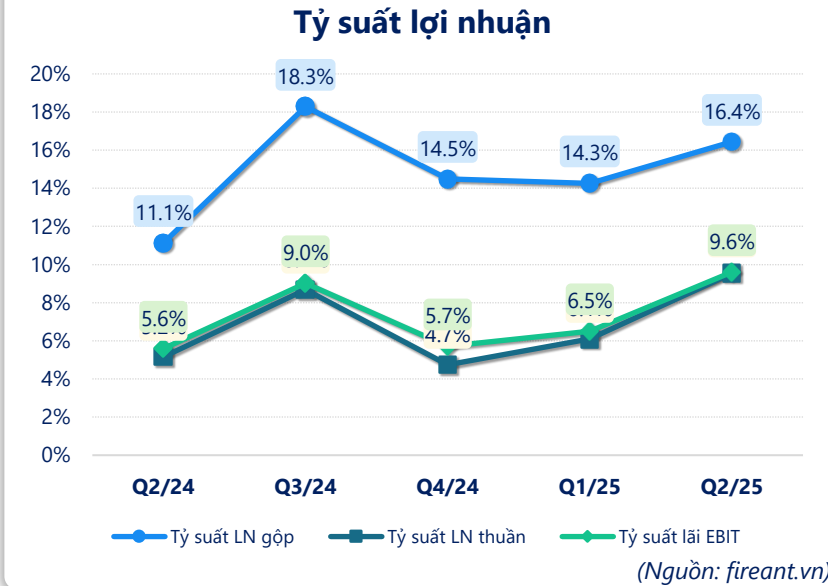
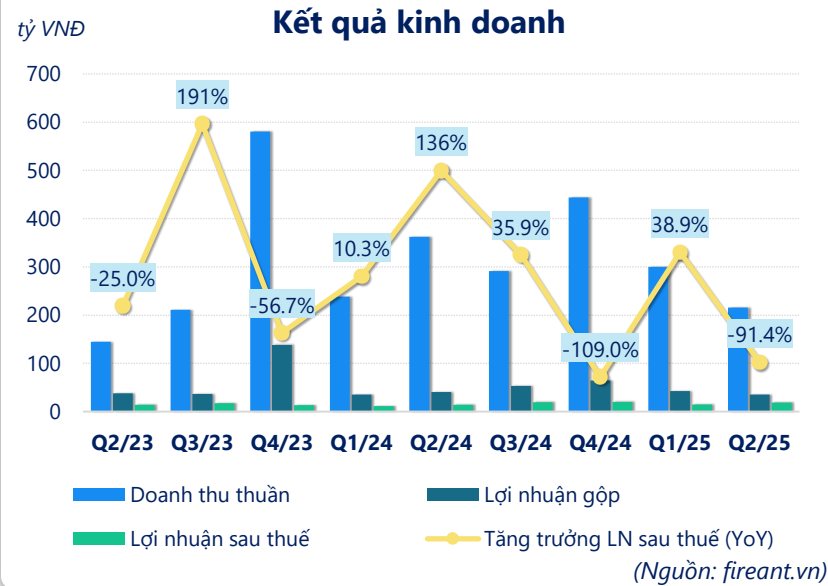


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,449
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,446
SL cổ phiếu LH		67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)		634,370
% sở hữu nước ngoài		8.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,529
P/E		35.2
EPS		1,065

	YTD	1T	3T	6T
TV2	14.9%	-8.5%	10.1%	9.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,989	2,173	-8.4%
Tài sản ngắn hạn	1,128	1,332	-15.3%
Tiền và tương đương tiền	197	200	-1.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.5	103	-75.2%
Phải thu ngắn hạn	750	839	-10.6%
Hàng tồn kho	133	156	-14.8%
Tài sản ngắn hạn khác	22.8	33.2	-31.1%
Tài sản dài hạn	861	841	2.4%
Phải thu dài hạn	2.04	2.30	-11.0%
Tài sản cố định	407	428	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.08	5.08	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	441	399	10.7%
Tài sản dài hạn khác	5.28	6.61	-20.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	713	863	-17.4%
Nợ ngắn hạn	686	836	-18.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	97.9	141	-30.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	190	363	-47.8%
Nợ dài hạn	27.7	27.3	1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,276	1,309	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	1,276	1,309	-2.5%
Vốn điều lệ	675	675	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	362	292	444	300	216
Giá vốn hàng bán	322	238	379	257	180
Lợi nhuận gộp	40.4	53.3	64.3	42.8	35.5
Doanh thu HĐTC	3.45	4.22	7.00	2.77	2.79
Chi phí TC	11.5	2.09	0.32	2.03	1.29
Chi phí lãi vay	2.01	2.00	1.69	1.55	1.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	19.4
Chi phí bán hàng	2.21	0.70	1.54	1.37	0.20
Chi phí QLDN	11.4	29.4	48.4	23.8	35.6
LN thuần từ HĐKD	18.7	25.3	21.0	18.3	20.6
Lợi nhuận khác	-0.45	-1.02	2.62	-0.35	-1.10
LN trước thuế	18.3	24.3	23.7	18.0	19.5
Lợi nhuận sau thuế	14.0	19.4	19.9	14.5	18.5
LNST của CĐ cty mẹ	14.0	19.4	19.9	14.5	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-80.3	34.3	229	-84.4	44.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	37.3	-4.14	-78.2	67.7	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-54.4	-48.1	-65.6	-18.6	-24.7
Tiền đầu kỳ	229	133	114	200	165
Lưu chuyển tiền thuần	-97.4	-17.9	84.7	-35.3	31.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.87	-1.33	1.60	0.12	1.00
Tiền cuối kỳ	133	114	200	165	197

(Nguồn: fireant.vn)